TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN A
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 91/2019/DS-ST
Ngày: 15/10/2019
Vụ án "T/C hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN A

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị TL

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn M
2. Bà Đỗ Thị Lệ H

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Võ An Tr, Thư ký tòa án nhân dân Quận A.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận A tham gia phiên toà*: Bà Lê Thị N - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận A, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 416/2018/TLST- DS, ngày 25 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp Hợp đồng vay tài sản. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 634/2019/QĐXX-ST ngày 30 tháng 9 năm 2019.

- *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị BT**, sinh năm 1970

ĐKTT: 310/26, đường 30/4, phường Hưng Lợi, Quận A, thành phố Cần Thơ. Có mặt.

- *Bị đơn*:

1. Ông **Võ Phương Đ**, sinh năm 1964

2. Bà **Lê Thị Th**, sinh năm 1968

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh **Võ Lê NH**

2. Chị **Võ Lê Ngọc TN**

Cùng ĐKTT: 61/81/4A, Hùng Vương, phường TB, Quận A, thành phố Cần Thơ.

Cùng chỗ ở: 79/57/27A, Hùng Vương, phường TB, Quận A, thành phố Cần Thơ.

(Các bị đơn ông Võ Phương Đ, bà Lê Thị Th, và các người có quyền và nghĩa vụ liên quan ông Võ Lê NH và bà Võ Lê Ngọc TN vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/9/2018 và tờ tự khai ngày 10/01/2019, nguyên đơn trình bày: Do quan hệ quen biết, nguyên đơn có cho các bị đơn là ông Võ Phương Đ và bà Lê Thị Th vay tổng số tiền 623.965.000 đồng. Khi vay tiền có làm hợp đồng và có công chứng, chứng thực vào ngày 23/8/2017, tại phòng công chứng 24h, địa chỉ 383B Nguyễn Văn Cừ, phường An Hòa, Quận A, thành phố Cần Thơ. Hợp đồng ghi nhận:

Số tiền vay: 460.000.000 đồng

Kỳ hạn vay: 48 tháng kể từ ngày hợp đồng được công chứng

Lãi xuất vay: Do hai bên tự thỏa Thận

Mục đích vay: Kinh Doanh

Địa điểm, phương thức giao tài sản và địa điểm phương thức trả: do hai bên tự thỏa Thận.

Để đảm bảo cho số tiền vay, các bị đơn thế chấp xe bán hủ tiếu và các vật dụng dùng để mua bán hủ tiếu.

Cùng ngày 23/8/2017 các bên ký kết phụ lục hợp đồng, ghi nhận cụ thể như tổng số tiền các bị đơn vay của nguyên đơn 460.000.000 đồng; ghi nhận lãi xuất 03%/tháng, và ghi nhận cụ thể số tiền mỗi ngày bị đơn phải trả. Tại phụ lục hợp đồng này có chữ ký tên và chữ viết của các bị đơn và các người có quyền và nghĩa vụ liên quan Huy và Nghi.

Đến ngày 28/01/2018, bà Th và ông NH ghi nhận, có nhận thêm 55.000.000 đồng từ nguyên đơn.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay, các bị đơn có trả bớt tiền và vay mượn thêm. Sau đó hai bên quyết toán số nợ còn lại là 632.965.000 đồng, các bị đơn cố tình trốn tránh không trả nợ nên nguyên đơn làm đơn khởi kiện.

Tại đơn khởi kiện ngày 16/9/2018, nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc các bị đơn phải trả lại cho nguyên đơn tổng số tiền 623.965.000 đồng, và lãi xuất phát sinh theo quy định.

Tại phiên tòa nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể bà chỉ yêu cầu buộc các bị đơn và những người có quyền và nghĩa vụ liên quan trả số tiền 485.400.000 đồng. Trong đó gồm có 460.000.000 đồng ghi nhận tại hợp đồng vay và 55.000.000 đồng ghi nhận phía sau phụ lục hợp đồng ghi ngày 28/01/2018, trừ đi số tiền 29.600.000 đồng các bị đơn đã trả được. Số tiền còn lại 138.965.000 đồng bà không yêu cầu bị đơn trả do bà chưa đủ chứng cứ.

Bị đơn Võ Phương Đ, Lê Thị Th và những người có quyền và nghĩa vụ liên quan Võ Lê NH và Võ Lê Ngọc TN: Trong suốt quá trình giải quyết vụ kiện đã được Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng vẫn vắng mặt. Không làm bản tự khai trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Không cung cấp bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào và không có ý kiến phản hồi hay yêu cầu gì

đối với việc khởi kiện của các nguyên đơn. Cũng như vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Vụ án không thể tiến hành hòa giải. Tòa án đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo quy định và đưa vụ án ra xét xử.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng được thực hiện theo đúng trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung tranh chấp: Căn cứ lời trình bày của nguyên đơn, các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng và quan hệ tranh chấp:* Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại số tiền đã vay theo Hợp đồng vay tài sản và phụ lục hợp đồng ngày 23/8/2017. Như vậy, tòa án xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là "tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Căn cứ nơi cư trú của bị đơn và yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn. Xác định vụ án Thộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận A, thành phố Cần Thơ theo Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Các bị đơn Võ Phương Đ và bà Lê Thị Th cùng những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Võ Lê NH và Võ Lê Ngọc TN đã được Tòa án tiến hành triệu tập và tống đạt hợp lệ các Thông báo thụ lý, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa. Nhưng bị đơn và những người có liên quan vẫn liên tục vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết của tòa án không có lý do và không có ý kiến phản hồi. Cũng không có văn bản gửi Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Căn cứ Khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 93 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thì bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã tự từ bỏ quyền được chứng minh của mình qua việc không đến Tòa án tham gia tố tụng và không có ý kiến phản hồi. Nên các đương sự này phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 và Điều 92, Điều 93 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tòa án căn cứ những chứng cứ có trong hồ sơ, quyết định xét xử vụ kiện vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. *Về nội dung vụ án:*

Theo trình bày của nguyên đơn và những chứng cứ đã được Tòa án Th thập hợp lệ tại hồ sơ, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Hợp đồng vay tài sản ngày 23/8/2017, được công chứng tại Văn phòng công chứng 24H, ngày 23/8/2019. Công chứng viên ghi nhận các bên tự nguyện thỏa Thận giao kết hợp đồng và tại thời điểm giao kết các bên có năng lực hành vi dân sự theo quy định, nội dung không trái quy định pháp luật, có chữ ký, chữ viết của các bị đơn.

Nội dung hợp đồng xác nhận: Số tiền vay là 460.000.000 đồng; Kỳ hạn vay: 48 tháng kể từ ngày hợp đồng được công chứng; Lãi xuất vay: Do hai bên tự thỏa Thận; Mục đích vay: Kinh Doanh; Địa điểm, phương thức giao tài sản và địa điểm phương thức trả: do hai bên tự thỏa Thận; Để đảm bảo cho số tiền vay, các bị đơn thế chấp xe bán hủ tiếu và các vật dụng dùng để mua bán hủ tiếu.

Cùng ngày 23/8/2017 các bên ký phụ lục hợp đồng, tại phụ lục này, ghi nhận cụ thể: Tổng số tiền các bị đơn vay của nguyên đơn 460.000.000 đồng; ghi nhận lãi xuất 03%/tháng, và ghi nhận cụ thể số tiền mỗi ngày bị đơn phải trả. Phụ lục hợp đồng này có chữ ký tên và chữ viết của các bị đơn và các người có quyền và nghĩa vụ liên quan Võ Lê NH và Võ Lê Ngọc TN.

Đến ngày 28/01/2018, bà Th và ông Huy có ghi nhận bằng chữ viết tay thừa nhận đã nhận thêm từ bên cho vay là nguyên đơn 55.000.000 đồng.

Ngoài hợp đồng vay tài sản và phụ lục hợp đồng, nguyên đơn còn cung cấp 01 văn bản viết tay ghi nhận số tiền cho vay, số tiền vay, số tiền đã trả…, có ghi nhận tổng số tiền nợ là 623.965.000 đồng. Tuy nhiên văn bản này chỉ có chữ viết của nguyên đơn, hoàn toàn không có ngày, tháng, năm, không có chữ ký, ghi tên hay xác nhận của các bị đơn. Vì vậy, hội đồng xét xử không có căn cứ để xem văn bản này là chứng cứ.

Đối với yêu cầu trả nợ gốc: Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, bà rút lại yêu cầu 138.565.000 đồng trong số tiền 623.965.000 đồng. Chỉ yêu cầu các bị đơn trả cho bà 485.400.000 đồng (gồm số tiền 460.000.000 đồng ghi nhận tại hợp đồng vay cộng với 55.000.000 đồng tại biên nhận ngày 28/01/2018 trừ đi 29.600.000 đồng). Đây là sự tự nguyện của đương sự và có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với yêu cầu đòi nợ lãi: Hội đồng xét xử thấy rằng tại Hợp đồng vay tài sản và phụ lục hợp đồng ngày 23/8/2017, đều có ghi nhận lãi xuất. Cụ thể phụ lục hợp đồng ghi nhận lãi xuất 03%/tháng, ghi nhận cụ thể số tiền mỗi ngày bị đơn phải trả cho nguyên đơn. Mức lãi xuất này là sự tự nguyện thỏa Thận của các đương sự. Các bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu trả nợ gốc và nợ lãi phát sinh, yêu cầu này là có căn cứ.

Tại đơn khởi kiện, và tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu tính lãi xuất phát sinh theo quy định pháp luật là có lợi cho các bị đơn.

Nguyên đơn thừa nhận trong quá trình thực hiện hợp đồng vay, các bị đơn đã trả số tiền 29.600.000 đồng nợ gốc. Tuy nhiên, do các bị đơn trả tiền nhiều lần, số tiền mỗi lần là khác nhau, nên bà không nhớ chính xác được thời gian trả, và số tiền đã trả cụ thể của từng lần, vì vậy để có lợi cho các bị đơn và nguyên đơn cũng thống nhất lãi xuất được tính như sau:

- Lãi xuất từ ngày 23/8/2017 đến ngày 27/01/2018: 16.570.000 đồng (được tính trên số tiền 460.000.000đồng – 29.600.000đồng là 430.400.000đồng).

- Lãi xuất từ ngày 28/01/2018 đến ngày 15/10/2019: 74.994.000 đồng (được tính trên số tiền 430.400.000đồng + 55.000.000đồng = 485.400.000 đồng).

Tổng số tiền lãi cho đến ngày 15/10/2019 là 91.564.000 đồng.

[3] Đối với những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Võ Lê NH và Võ Lê Ngọc TN, những người này có biết, hiểu rõ và đồng ý ký tên vào phụ lục hợp đồng vay, ông Huy còn ghi nhận đã nhận thêm tiền vào ngày 28/01/2018, vì vậy nguyên đơn yêu cầu những người này phải có trách nhiệm liên đới với các bị đơn trả lại số tiền đã vay và lãi xuất phát sinh là có căn cứ.

[4] Về án phí sơ thẩm và các chi phí khác: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Các bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn. Nguyên đơn không phải chịu án phí.

[5] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 91; Điều 147; Khoản 1 Điều 207; Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 357, Điều 408, Điều 466, Điều 468 và Điểm b Khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Khoản 1 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung 2014.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị BT về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" đối với bị đơn ông Võ Phương Đ và bà Lê Thị Th.

2. Buộc các bị đơn là ông Võ Phương Đ, bà Lê Thị Th và những người có quyền và nghĩa vụ liên quan ông Võ Lê NH và bà Võ Lê Ngọc TN phải liên đới trả cho nguyên đơn:

Tổng số tiền 576.964.000 (Năm trăm bảy mươi sáu triệu chín trăm sáu mươi bốn nghìn) đồng, trong đó:

- Nợ gốc 485.400.000 (Bốn trăm tám mươi lăm triệu bốn trăm nghìn) đồng.

- Nợ lãi là 91.564.000 (chín mươi mốt triệu năm trăm sáu mươi bốn nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án), hoặc kể từ ngày

có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

3. Về án phí sơ thẩm: Bị đơn ông Đ và bà Th phải chịu 27.078.000 (hai mươi bảy triệu không trăm bảy mươi tám nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị BT được nhận lại 14.479.500 (mười bốn triệu bốn trăm bảy mươi chín nghìn năm trăm) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai Th số 001954, ngày 19/10/2018 tại Chi cục thi hành án Quận A, thành phố Cần Thơ.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Thận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Cần Thơ;
- VKSND Quận A;
- Chi cục THADS Quận A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị TL

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thùy Linh